

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng
công trình Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo hồ Bừa Rằm,
xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều
theo Luật số 30/2016/QH14, Luật 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật
số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính Phủ quy
định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định
06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung
về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định
số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây
dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện
Như Xuân về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo
hồ Bừa Rằm, xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số
59/KTHT-TĐ ngày 30/6/2023 (kèm theo Tờ trình số 174/TTr-BQLDA ngày
20/6/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo hồ Bừa Rằm, xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo hồ Bừa Rằm, xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

3. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo an toàn của hồ chứa, điều tiết nước, phòng chống thiên tai trong mùa mưa, lũ, tăng lượng dự trữ nước hồ Bừa Rằm xã Cát Vân.

4. Nhà thầu khảo sát: Công ty TNHH xây dựng Hồng Đức TH.

5. Nhà thầu lập báo cáo KTKT: Công ty cổ phần QLQ;

6. Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH tư vấn và xây lắp Thành Nam.

7. Địa điểm xây dựng: xã Cát Vân, huyện Như Xuân.

7. Loại, nhóm, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm C;
- Loại công trình: Công trình NN&PTNT;
- Cấp công trình: Công trình cấp III.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:

- Số bước thiết kế: 1 bước.
- Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: thống nhất theo báo cáo thẩm định số 59/KTHT-TĐ ngày 30/6/2023 của phòng Kinh tế và Hạ tầng.

9. Nội dung, quy mô đầu tư:

9.1. Quy mô: Nâng cấp đập đất: dài $L = 250,0\text{m}$, Làm mới cống lấy nước dưới đập, Nạo vét lòng hồ để tăng khả năng tích nước.

9.2. Giải pháp thiết kế

a. Đập đất:

- Thân đập: Phần thân đập cũ được giữ nguyên và khoan phụt tạo màng chống thấm. Phần thân đập từ cao trình đỉnh đập cũ (chân tường chắn sóng + 182.15) được đắp tôn cao bằng đất đầm trị chặt đến cao trình +182.70, chiều dài đỉnh đập $L=250\text{m}$. Đỉnh đập: Mặt đập rộng $B = 5\text{m}$, được gia cố bằng bê tông thường M250. Bề rộng gia cố 5,0m dày 0,2m. Kết cấu mặt đập từ trên xuống dưới: Bê tông thường M250 đổ tại chỗ dày 20cm; 01 lớp ni lon tái sinh; cấp phối đá dăm loại 2 lu lèn chặt dày 18cm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Bê tông mặt đập dọc theo chiều dài trung bình cứ 50m bố trí một ke giãn và 5m cắt một khe co.

- Mái thượng lưu: Bóc bỏ các tấm lát cũ đã hư hỏng và đào bóc 01 lớp đất mái thượng lưu dày khoảng 3m (đủ để thi công cơ giới) đắp đất mới được tận dụng từ nạo vét trong lòng hồ ở vị trí đã làm thí nghiệm. Sau khi đắp hoàn thiện mái được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250 liên kết ngầm, kích thước (40x40x12)cm, trong hệ khung bằng BTCT M250 đổ tại chỗ được tạo bởi các dầm ngang và dọc mái, dưới cấu kiện bê tông đúc sẵn là lớp đá dăm (1x2)cm dày 10 cm và lót vải địa kỹ thuật ART-15 (hoặc tương đương); dọc các tuyến khung dầm cứ 11,8 m cắt một khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường;

- Mái hạ lưu: Phần mái từ đỉnh đập cũ đến cơ đập cũ được bóc phong hóa đắp áp trực đảm bảo $m=2,50$, làm hệ thống các rãnh thoát nước xiên mái tạo khung ô; khoảng trống giữa các ô được trồng cỏ chống xói mòn. Cơ đập: Phần đá lát cơ đập được tháo ra lát lại.

b. Cống lấy nước dưới đập:

- Thân cống bằng ống thép CT38 (hoặc tương đương), bọc ngoài bằng BTCT M250, phía ngoài là lớp đất sét luyên dày 50 cm; cửa vào bố trí khe phai sửa chữa và lưới chắn rác; điều tiết cống bằng van chặn đặt trong nhà van phía hạ lưu có tường xây bao bằng gạch xây M75 trát VXM M75, trần nhà bằng BTCT M250.

- Tổng chiều dài nhà van hạ lưu và bể tiêu năng là 7,40m; rộng 3,2m; kết cấu bằng BTCT M250. Trong nhà van bố trí 2 van chặn D400 gồm: 1 van để sửa chữa và 1 van để điều tiết cấp nước tưới.

- Cửa vào cống chiều dài L=2,65m, kết cấu: đáy cửa vào bằng BTT M200 dày 25cm, tường cánh bằng BTT M200 dày 25cm, đoạn dài 2,65m; kết cấu bằng BTT M250 có bố trí khe phai, lưới chắn rác để phục vụ công tác sửa chữa, vận hành cống.

c. Sửa chữa nâng cấp tuyến kênh chính:

Kênh bằng bê tông thường M200, thành và đáy kênh dày 12cm; cứ 10 cắt 01 đoạn giữa các đoạn kênh được bố trí 2 lớp giấy dầu tấm nhựa đường. Cống qua đường: Mặt cầu bằng tấm đan bê tông cốt thép M200 dày 15 dài L=1,00m; móng bằng BTCT và trụ bằng bê tông thường M200. Cống lấy nước đầu kênh: Thân cống là ống thép mạ kẽm D=10cm, đặt trong hầm van bằng gạch xây vữa M75. Cống lấy nước vượt cấp: Thân cống là ống thép mạ kẽm D=10cm, đặt trong hầm van bằng gạch xây vữa M75.

d. Nạo vét lòng hồ: Nạo vét lòng hồ để tăng khả năng trữ nước.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí:

Tổng mức đầu tư: **9.000.000.000 đồng**
(Bằng chữ: Chín tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	7.689.288.000 đồng
- Chi phí QLDA:	228.092.000 đồng
- Chi phí tư vấn:	854.435.000 đồng
- Chi phí khác:	119.544.000 đồng
- Chi dự phòng:	108.641.000 đồng

11. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh năm 2023 (theo Nghị quyết 119/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện).

12. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2024.

Điều 2. Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này tổ chức triển khai các bước tiếp theo theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Như Xuân, Chi cục thuế khu vực Như Thanh - Như Xuân, Chủ tịch UBND xã Cát Vân, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chủ đầu tư (05 bản);
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Tuất

PHỤ BIỂU
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH
Công trình: Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo hồ Bừa Rằm, xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
I	Chi phí xây dựng				6.990.261.228	699.026.123	7.689.288.000	Gxd
1	Đập Đất		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	5.391.105.382	539.110.538	5.930.216.000	
2	Khoan phụt gia cố thân đập		1		428.868.237	42.886.824	471.755.000	
3	Cống lấy nước		1		964.048.006	96.404.801	1.060.453.000	
4	Kênh và công trình trên kênh chính		1		206.239.603	20.623.960	226.864.000	
II	Chi phí quản lý dự án	3,263%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	228.092.224		228.092.000	Gqlđa
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				776.759.003	77.675.900	854.435.000	Gtv
1	Chi phí khảo sát địa chất, địa hình			Theo quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Ban QLDA ĐTXD	241.858.182	24.185.818	266.044.000	
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	7.255.745	725.575	7.981.000	
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	3,902%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	272.759.993	27.275.999	300.036.000	
4	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,372%	1,2	Gxd trước thuế x tỷ lệ	31.204.526	3.120.453	34.325.000	
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,361%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	25.234.843	2.523.484	27.758.000	
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,598%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	181.606.987	18.160.699	199.768.000	
7	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	4,072%		Gks trước thuế x tỷ lệ	9.848.465	984.847	10.833.000	

8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	0,05%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	3.495.131	349.513	3.845.000	
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	3.495.131	349.513	3.845.000	
V	Chi phí khác				113.951.769	5.592.209	119.544.000	Gk
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,80%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	55.922.090	5.592.209	61.514.000	
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,426%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	38.349.000		38.349.000	
3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng			Tạm tính	15.000.000		15.000.000	
4	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	15%		Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật x tỷ lệ	4.680.679		4.681.000	
V	Chi phí dự phòng						108.641.000	Gdp
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	1,22%		(Gxd+Gqlđ+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			108.641.000	
	Tổng cộng						9.000.000.000	Gxdct